

UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM
HỘI ĐỒNG BT, HT VÀ TĐC DỰ ÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Vành đai 3,5 đến đường nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến khu công nghiệp Nam Thăng Long trên địa bàn phường Tây Tựu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): Hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Minh

Hộ khẩu thường trú: Phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): Hộ gia đình ông Nguyễn Khắc Minh

Hộ khẩu thường trú: Phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

3. Địa chỉ nơi thu hồi đất: Phường Tây Tựu

4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất: 10 khẩu (Trong đó: 10 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ và 0 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)

5. Tổng diện tích đất đang sử dụng: 772 m²;

Trong đó:

- Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án: 772 m²;

Trong đó:

+ Nguồn gốc đất: Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất: 622 m²;

+ Nguồn gốc đất: Đất nông nghiệp vượt diện tích được giao theo phương án, sử dụng từ năm 1983, không nằm trong danh sách đất công ích của phường: 150 m²;

- Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án: 0 m²;

6. Tỷ lệ thu hồi đất: 35,5%

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất	m ²	622,0	201.600	100%	125.395.200	
2	Đất nông nghiệp vượt diện tích được giao theo phương án, sử dụng từ năm 1983, không nằm trong danh sách đất công ích của phường	m ²	150,0	201.600	100%	30.240.000	
	Tổng cộng: (A)		772,0			155.635.200	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP: Không

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP: Không

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...)

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Trồng hoa ly đang có hoa	Cây	15340,0	21.000	100%	322.140.000	Số cây cao hơn mật độ quy định (tính 30% mật độ và giá bằng 50% đơn giá theo TB 7896/TB-STC ngày 29/12/2023)
			4602,0	21.000	50%	48.321.000	
	Tổng tiền: (B)					370.461.000	

* Ghi chú: Đối với cây trồng hoặc vật nuôi có thể di chuyển đến cơ sở mới thì căn cứ Khoản 2 Điều 18 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố để áp dụng.

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

2357 21000

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bằng 5 lần giá đất nông nghiệp): 201.600đ/m2 x 5 lần = 1.008.000đ/m2.	m2	622,0	1.008.000	626.976.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ 30% đến 70% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 6 tháng x 16.000đ/kg = 2.880.000đ/khẩu nông nghiệp).	Khẩu	10	2.880.000	28.800.000	Ti lệ thu hồi đất nông nghiệp: 30%<35,5%<70% Hỗ trợ 6 tháng
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/chủ sử dụng đất.	m2			0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định
Tổng tiền: (C)					655.776.000	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ30 ND 47/2014/ND-CP) (nếu có): Không

5. Phương án tái định cư: Không

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư:

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+©

1.181.872.200 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách:

0 đồng

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

1.181.872.200 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi một triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm đồng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thường Sơn